



ISO 9001:2015
VIMCERT 025

TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Địa chỉ: Số 99 Trần Quốc Toàn, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024-22172480; 024-22172473 Fax: 024-38203011



Số: 04593/2025/PKQ (25/05.05-2276-NS-1)

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025

VILAS 441

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên khách hàng:	CÔNG TY TNHH DENSO VIỆT NAM
2	Địa chỉ:	Lô E1, KCN Thăng Long, xã Thiên Lộc, TP Hà Nội
3	Ngày lấy mẫu:	07/10/2025
4	Loại mẫu:	Nước sạch
5	Cán bộ tham gia thực hiện:	
Cán bộ hiện trường		
Nguyễn Trung Hậu Tạ Mạnh Hà Lê Đình Mạnh		
Cán bộ phòng thí nghiệm		
Lê Anh Thư Tạ Thị Trang Nhâm Nguyễn Thị Thanh Hải Nguyễn Văn Trang		
Đào Thu Hiền Đoàn Thị Thu Trang		

6. Kết quả như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	25.2276/159 /NS/4216	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014) (E))	CFU/ 100 mL	0	<1
2	E.coli hoặc Coliform chịu nhiệt	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014) (E))	CFU/ 100 mL	0	<1
3	Clo dư tự do	TCVN 6225-2:2021	mg/L	<0,033	0,2 ÷ 1
4	Độ đục	SMEWW 2130B:2023	NTU	<0,5	2
5	Màu sắc	TCVN 6185:2015	TCU	<5,0	15
6	Mùi	SOP - 1.56:2023	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
7	pH	TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008)	-	7,08	6 ÷ 8,5
8	Permanganat	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993(E))	mg/L	<0,9 ^(b)	2
9	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	16,0	250 hoặc 300 ^(a)
10	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	TCVN 6224:1996	mg/L	<5,0	300
11	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,018	0,1
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	US EPA Method 352.1-1971	mg/L	<0,033	11
13	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984(E))	mg/L	<0,01	0,9
14	Sắt (Ferrum) (Fe)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	<0,11 ^(b)	0,3
15	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ - E:2023	mg/L	<3,0	250

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- (a) Chỉ áp dụng cho vùng ven biển, hải đảo hoặc khu vực bị nhiễm mặn.;
- (b): Giới hạn định lượng của phương pháp;
- 25.2276/159/NS/4216: Nước ăn.

TRẠM QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG



CHỖ GIÁM ĐỐC
Trần Thị Liễu

PHÒNG QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Cán bộ QA/QC

Vũ Thị Thanh Phương

Trưởng phòng

Đặng Thị Thu Hà



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ